TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 55/2019/HSST
Ngày 18-9-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ-TỈNH PHÚ THỌ

T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Hà Thanh Loan

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Trò

2. Ông Nguyễn Xuân Thư

-***Thư ký phiên tòa***: Ông Đỗ Trọng Tú -Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dânhuyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọtham gia phiên tòa:***ÔngNguyễn Ngọc Hiển - Kiểm sát viên.

Ngày18 tháng 9 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 57 ngày 23/8/2019,theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:53/2019/QĐXXST-HS ngày 05tháng 9 năm 2019đốivới các bị cáo:

1- Bị cáo Hà Văn T - Sinhngày 08 tháng 8năm 1987. Tên gọi khác: không

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu G, xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Quốc tịch: Việt NamDân tộc: KinhTôn giáo: không;

Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Bố đẻ: Hà Văn C (đã chết). Mẹ đẻ: Nguyễn Thị N (đã chết).

Vợ: Ma Thị C – Sinh năm 1993

Bị cáo có 03 con (Con lớn sinh năm 2012, 02 con nhỏ sinh năm 2018).

Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Không

Bị cáobị tạm giữ từ ngày 17/5/2019 đến ngày 23/5/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trútại xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Hiện bị cáo tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa).

2- Bị cáo Vũ Quang H - Sinh năm 1981. Tên gọi khác: không

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Thái Bình

Chỗ ở hiện nay: Khu G, xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh Tôn giáo: không;

Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Bố đẻ: Vũ Quang T – Sinh năm 1957

Mẹ đẻ: Nguyễn Thị G (đã chết).

Vợ: Trịnh Thị T – Sinh năm 1983

Bị cáo có 03 con (Con lớn sinh năm 2007,con nhỏ sinh năm 2015).

Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/5/2019 đến ngày 23/5/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trútại xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Hiện bị cáo tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa).

3- Bị cáo Hoàng Quang T1 - Sinh năm 1987. Tên gọi khác: không

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu S, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Chỗ ở hiện nay: Khu 3, thị trấn S, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh Tôn giáo: không;

Trình độ học vấn: 08/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Bố đẻ: Hoàng Quang S – Sinh năm 1957; Mẹ đẻ: Đặng Thị Đ – Sinh năm 1958; Vợ: Nguyễn Thị Y – Sinh năm 1991

Bị cáo có 02 con (Con lớn sinh năm 2011,con nhỏ sinh năm 2015).

Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Không

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại thị trấn S, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Hiện bị cáo tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại: Anh Phạm Duy H – Sinh năm 1975

Hộ khẩu thường trú: Phường Nguyễn T, huyện Â, tỉnh Hưng Yên

Địa chỉ tạm trú: Khu 11, xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt)

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1- Chị Ma Thị C – Sinh năm 1993

Địa chỉ: Khu G, xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ

2- Chị Trịnh Thị T – Sinh năm 1983

Địa chỉ: Khu Gò L, xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ

(Chị C, chị T có mặt tại phiên tòa)

3- Ông Trịnh Xuân T – Sinh năm 1951. Địa chỉ: Khu G, xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt).

4- Chị Hà Thị T – Sinh năm 1982. Địa chỉ: Số nhà 97, phố S, phường K, Hà Nội (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 16/5/2019, Hà Văn T – Sinh năm 1987, ở khu G, xã S, huyện C trên đường đi từ khu Công nghiệp huyện C về nhà. Khi T đi qua một bãi đất trống của khu công nghiệp thì thấy có các tấm ván khuân thép của anh Phạm Duy H, sinh năm 1975, hiện đang tạm trú tại khu 11, xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ đang để ở đây và không có người trông coi. T đã nảy sinh ý định trộm cắp các tấm ván trên đem bán lấy tiền tiêu sài. T nghĩ các tấm ván nặng, không thể lấy trộm một mình được nên đã dùng điện thoại số 0339 433 398 gọi đến số điện thoại 0988 468 299 của Vũ Quang H, sinh năm 1981 (Hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Thái Bình), chỗ ở hiện nay, khu G, xã S, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Qua điện thoại, T nói với H: "Có đống sắt người ta để ở gần đường, anh có xe kéo không hai anh em mình ra kéo về bán". H nói với T " Cứ về đi xong hai anh em mình đi". T hiểu là H đồng ý đi trộm cắp cùng T. T điều khiển xe mô tô đi đến nhà H, H lấy dây chun và lôi xe cải tiến của nhà H rồi ngồi phía sau xe mô tô do T điều khiển. Sau đó cả hai đến khu vực để các tấm ván khuân sắt mà T thấy ở bãi đất trống tại khu công nghiệp S. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, lợi dụng trời tối và không có người trông coi, T và H đã lấy được 06 tấm ván sắt có kích thước 2m x0,75m rồi khiêng lên xe cải tiến và dùng dây chun buộc sắt vào xe cải tiến, dùng xe mô tô kéo đến cửa quán mua bán sắt vụn của Hoàng Quang T1, sinh năm 1987 ở khu 3, thị trấn S, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Do có quen biết T1 từ trước nên T đã

dùng số điện thoại 0339 433 398 gọi đến số điện thoại của T1 là 0978 796 367, qua điện thoại T nói với T1: " Em có ít sắt muốn bán cho anh". T1 bảo T " Khiêng vào trong nhà". Sau đó, T và T1 thỏa thuận giá mua bán sắt là 7.000đ/kg. T1 vào nhà lấy cân đồng hồ để cân sắt. Do các tấm ván khuân sắt trên đều có kích thước giống nhau nên các đối tượng thống nhất chỉ cần cân 1 tấm thì được 46kg rồi nhân với 06 tấm bằng 276kg. T1 phải thanh toán cho T và H là 276kg x 7000đ = 1.932.000đ. Do T hỏi T1 " Vẫn còn mua nữa không?", T1 đồng ý mua tiếp nên T1 chỉ thanh toán cho T 1.800.000đ, còn nợ lại 132.000đ.

Sau đó, T và H quay lại chỗ để các tấm ván khuân sắt và lấy trộm thêm 05 tấm ván sắt có kích thước như 06 tấm ván khuân sắt đã lấy lần trước và mang lại quán của T1 để bán. Khi đến gần quán của T1, do xe cải tiến bị hỏng nên T đã gọi điện thoại cho T1 nhờ T1 ra đẩy hộ. Trong khi đẩy xe thì T và H có nói với T1 là "Sắt này lấy trộm ở công trường S". Lúc này T1 biết các tấm ván khuân sắt mà T và H bán cho T1 do trộm cắp ở công trường S nhưng vì lợi nhuận nên T1 vẫn đồng ý mua. Lần này T1 vẫn tính giá tiền cho T và H như lần trước nhưng T1 chỉ thanh toán cho T số tiền 1.400.000đ, còn nợ lại 210.000đ. Sau đó T và H đi uống bia hết 130.000đ. Sau khi uống bia xong, T và H tiếp tục quay lại khu Công nghiệp S lấy thêm 06 tấm ván khuân sắt mang về quán của T1 để tiếp tục bán. Lần này, T và H không lấy tiền luôn của T1 mà tiếp tục quay lại chỗ trộm cắp sắt cũ lấy thêm được 04 tấm ván khuân sắt nữa chở đến bán cho T1. Như vậy 10 tấm ván lấy sau x46kg x 7.000đ = 3.220.000đ, cộng với lần trước T1 nợ T và H 342.000đ thì T1 phải thanh toán cho T và Hà là 3.562.000đ. T1 đã trả cho T 3.000.000đ, nợ lại 500.000đ. T1 bớt của T 62.000đ. T nhận tiền xong thì mời T1 đi uống bia. Trong lúc uống bia, T và H nói lại với T1 về các tấm sắt có được là do lấy trộm ở khu công nghiệp S. T1 có nói lại với T và H là " Thế để mai thổi sớm". T1 còn nói với T và H là trên đường từ khu công nghiệp S về nhà T1 có camera nhưng T và H cứ yên T1 vì đã bị hỏng hết. Sau khi uống bia được khoảng 30 phút thì T1 về, T thanh toán tiền bia hết 120.000đ. Uống bia xong, T và T1 tiếp tục quay lại công trường khu công nghiệp trộm cắp thêm 04 tấm ván khuân sắt có kích thước như các tấm lần trước đã trộm cắp và 02 tấm ván khuân sắt có kích thước là 3m x 0,2m mang đến nhà T1 để bán. Do lúc đó đã muộn nên T và T1 thống nhất để ở bãi đất trống đối diện quán nhà T1, sáng hôm sau sẽ tính tiền. Tổng số tiền T1 đã thanh toán cho T là 6.200.000đ. T đã đưa cho H 2.700.000đ. Số tiền 3.500.000đ, T đưa cho vợ là Ma Thị C 2.500.000đ, còn lại trả tiền bia và chi tiêu cá nhân hết. Đối với H, sau khi nhận được tiền do T đưa đã mang về đưa cho vợ là Trịnh Thị T 2.500.000đ, còn 200.000đ H chi tiêu cá nhân hết.

Anh H sau khi phát hiện bị mất các tấm ván khuân sắt đã đi tìm và thấy tài sản của mình ở quán nhà T1 nên đã đến Công an huyện Cẩm Khê trình báo.Ngày 17/5/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện Cẩm Khê đã thu giữ các tài sản gồm:

+ Tại nhà ở của Hoàng Quang T1 các tài sản gồm: 02 tấm kim loại, mỗi tấm có kích thước dài 3m, rộng 0,2m, cao 05 cm, trọng lượng 29kg/tấm; 02 tấm kim loại, mỗi tấm dài 2m, cộng 0,75m, cao 0,5cm, trọng lượng khoảng 52kg/tấm; 21 tấm kim loại màu nâu đen hình chữ nhật kích thước 2 x 0,75m, độ dày 5cm, trọng lượng 52kg/tấm; 01 dây chun cao su màu xanh; 01 cân đồng hồ lò xo nhãn hiệu Nhơn Hòa (mức cân lớn nhất 100kg, mức cân nhỏ nhất là 2kg). Các tài sản thu giữ trên đều đã qua sử dụng.

+ Thu giữ của Hà Văn T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh có gắn sim số 033.943.3398

+ Thu giữ của Vũ Quang H: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen có gắn sim số 0988 465 299

+ Thu giữ tại nhà anh Nguyễn Văn T: 01 xe loại xe cải tiến tự chế, khung xe bằng kim loại màu đen, 02 càng xe bằng tre, có 02 bánh xe.

Cùng ngày 17/5/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện Cẩm Khê tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Vũ Quang H và Hà Văn T.

Tại nơi ở của Vũ Quang H, Khu G, xã S, huyện C, thu giữ trong két sắt để ở phòng khách nhà H số tiền 2.500.000đ

Tại nơi ở của Hà Văn T, Khu G, xã S, huyện C, thu giữ ở tủ trong buồng ngủ nhà T số tiền 2.500.000đ, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS 19Y2 – 0060.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 29 ngày 21/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Cẩm Khê kết luận:

" *25 tấm kim loại có kích thước 2m x0,75m, trọng lượng mỗi tấm kim loại là 52kg/tấm có giá là 14.000.000đ/kg. Vậy 25 tấm x 52kg = 1300kg x 14.000đ = 18.200.000đ. Tổng giá trị 25 tấm kim loại là 18.200.000đ (Mười tám triệu hai trăm nghìn đồng)*

02 tấm kim loại có kích thước 3m x0,2m, có trọng lượng mỗi tấm kim loại là 29kg/tấm. Vậy 02 tấm x29kg = 58kg x 14.000đ = 812.000đ. Tổng giá trị 02 tấm kim loại là 812.000đ (Tám trăm mười hai nghìn đồng)

Tổng giá trị của 27 tấm kim loại định giá là 19.012.000đ (Mười chín triệu không trăm mười hai nghìn đồng)"

Tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng trình bày như sau:

Bị cáo Hà Văn T và Vũ Quang H đều thống nhất khai nhận:

Khoảng thời gian từ 20 giờ ngày 16/5/2019 đến 02 giờ 17/5/2019, T và H đã thực hiện hành vi trộm cắp 27 tấm kim loại tại khu công nghiệp S thuộc xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ mang về cửa hàng của Hoàng Quang T1 và bán cho Hoàng Quang T1.

Bị cáo Hoàng Quang T1 khai nhận: Khoảng từ 21 giờ ngày 16/5/2019 đến 02 giờ ngày 17/5/2019, mặc dù biết Hà Văn T và Vũ Quang H trộm cắp 27 tấm kim loại tại khu công nghiệp S mang đến nhà mình bán nhưng vì ham lợi nên T1 vẫn mua lại của H và T 27 tấm kim loại như H và T đã trình bày.

Chị Ma Thị C trình bày: ngày 17/5/2019, chồng chị là bị cáo Hà Văn T về nhà có đưa cho chị số tiền 2.500.000đ. Chị đã cất vào tủ của gia đình. Chị C không biết khoản tiền trên có được là là bị cáo T trộm cắp tài sản bán mà có.

Chị Trịnh Thị T trình bày: ngày 17/5/2019, chồng chị là bị cáo Vũ Quang H về nhà có đưa cho chị số tiền 2.500.000đ. Chị đã cất vào két sắt của gia đình ở phòng khách. Chị T không biết khoản tiền trên có được là là bị cáo H cùng bị cáo T trộm cắp tài sản bán mà có.

Bản cáo trạng số 57/CT-VKSCK -HS ngày 21/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ truy tố các bị cáo Vũ Quang H, Hà Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự; Truy tố bị cáo Hoàng Quang T1 về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 36; Điểmi, s khoản 1điều 51Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Hà Văn T, Vũ Quang H phạm tội " Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Hà Văn T, Vũ Quang H mỗi bị cáo từ12tháng đến 15thángcải tạo không giam giữ.Được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 17/5/2019 đến ngày 23/5/2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; Điều 36; Điểmi, s khoản 1điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Hoàng Quang T1 phạm tội " Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Xử phạt bị cáo Hoàng Quang T1 từ12 tháng đến 15 thángcải tạo không giam giữ.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự; Khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 dây chun cao su màu xanh dài khoảng 3,5m đã qua sử dụng; 01 xe cải tiến tự chế, khung xe bằng kim loại màu đen.

Đề nghị tịch thu bán sung quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh kèm thẻ sim 033.943.3398, 01 cân đồng hồ lò xo nhãn hiệu Nhơn Hòa thu giữ của Hà Văn T; 01 điện thoại di động Nokia màu đen có kèm thẻ sim 0988.465.299 thu giữ của Vũ Quang H.

Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 2.500.000đ thu giữ của chị Ma Thị C và 2.500.000đ thu giữ của chị Trịnh Thị T.

Thu hồi đề tịch thu sung quỹ nhà nước của bị cáo Vũ Quang H 200.000đ, của bị cáo Hà Văn T 1.000.000đ.

Trả lại cho chị Hà Thị T 01 chiếc xe mô tô biển số 19Y2 – 0060, nhãn hiệu HonDa, loại Wave, màu đen xám.

Về trách nhiệm dân sự: Anh H đã nhận lại toàn bộ tài sản bị mất và không đề nghị các bị cáo phải bồi thường khoản tiền nào khác. Vì vậy đề nghị HĐXX xác nhận việc cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Khê đã giao trả tài sản cho anh Phạm Duy H.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Lời nói sau cùng: Các bị cáođều thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật và đề nghị được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cẩm Khê, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, Kiểm sát viên trong quá

trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa cácbị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung:

+ Đánh giá các chứng cứ buộc tội đối với bị cáo:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Hà Văn T, Vũ Quang H và Hoàng Quang T1 đã trình bày và thừa nhận: Trong khoảng thời gian từ 20 giờ ngày 16/5/2019 đến 02 giờ ngày 17/5/2019, tại khu công nghiệp S thuộc khu 9, xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ, Hà Văn T và Vũ Quang H đã thực hiện hành vi trộm cắp 27 tấm kim loại của anh Phạm Duy H (sinh năm 1975, tạm trú ở khu 11, xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ) có tổng giá trị là 19.012.000đ. Hoàng Quang T1 mặc dù biết các tấm kim loại trên H và T có được là do trộm cắp nhưng vẫn có hành vi tiêu thụ 27 tấm kim loại trên. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai màcác bị cáo khai trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, những người có quyền lợi liên quan và những người làm chứng; phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra vụ án các tài liệu khác có trong hồ sơ và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó có đủ căn cứ pháp lý để kết luận bị cáo Hà Văn T, Vũ Quang H phạm tội " Trộm cắp tài sản", được quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự; Bị cáo Hoàng Quang T1 phạm tội " Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" được quy định tại khoản 1 điều 323 Bộ luật hình sự.

+ Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ:

Xét tính chất vụ án tuy là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo đã ngang nhiên xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi của các bị cáo đã gây hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân, xâm phạm đến an ninh, trật tự an toàn xã hội. Vì vậy vụ án cần phải đưa ra xét xử kịp thời và nghiêm khắc nhằm giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

Các bị cáođều là người có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi theo quy định của pháp luật. Các bị cáo là người có điều kiện để nhận thức về pháp luật, có sức khỏe và hiểu biết xã hội nhưng không chịu lao động làm ăn lương thiện và rèn luyện bản thân. Bị cáo T có vai trò chính là người rủ rê lôi kéo H tích cực phạm tội.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã T khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Hành vi phạm tội của các bị cáo là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.Do đó, các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1điều 51 điều Bộ luật hình sự. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Vì vậy, không cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cho cải tạo ngoài xã hội cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo trở T người có ích cho xã hội.

Theo quy định tại khoản 5 điều 173 Bộ luật hình sự quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng"; Khoản 5 điều 323 Bộ luật hình sự quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồnghoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản".

Qua xác minh, bị cáo T có tài sản là nhà cấp 4 và quyền sử dụng đất, bị cáo T1 có tài sản là quyền sử dụng đất nhưng các tài sản này đều là tài sản chung của gia đình, giá trị không lớn. Đối với bị cáo H không có tài sản riêng, hiện đang ở chung với gia đình bố mẹ vợ. Các bị cáo đều là lao động tự do, thu nhập thấp và không ổn định. Vì vậy xét nên không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo là phù hợp.

[3] Về vật chứng:

- Đối với01 dây chun cao su màu xanh dài khoảng 3,5m đã qua sử dụng; 01 xe cải tiến tự chế, khung xe bằng kim loại màu đen: đây là các công cụ, phương tiện mà các bị cáo dùng vào việc phạm tội. Qua xác minh chiếc xe cải tiến tự chế là tài sản của ông T. Do khi H và T sử dụng để trộm cắp các tấm kim loại đã bị hỏng nên H mang đến gửi nhà anh T để sửa nhưng anh T chưa kịp sửa chữa thì Cơ quan công an đã thu giữ để phục vụ điều tra vụ án.Mặc dù ông T không biết bị cáo H dùng làm phương tiện để phạm tội nhưng chiếc xe đã hỏng, ông T không có nguyện vọng lấy lại nên xét tịch thu tiêu hủy.

- Đối với: 01 điện thoại di động Nokia màu đen có kèm thẻ sim 0988.465.299 thu giữ của Vũ Quang H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh kèm thẻ sim 033.943.3398: Bị cáo H và bị cáo T đã dùng các điện thoại trên để liên lạc với nhau bàn bạc rủ nhau đi trộm cắp tài sản và liên hệ để bán tài sản đã trộm cắp được, xét nên tịch thu bán sung quỹ nhà nước là phù hợp. Đối với 01 cân đồng hồ lò xo nhãn hiệu Nhơn Hòa thu giữ của Hoàng Quang T1: bị cáo đã sử dụng chiếc cân là công cụ để thực hiện hành vi phạm tội, vì vậy xét nên tịch thu bán sung quỹ nhà nước.

- Đối với số tiền 2.500.000đ thu giữ của chị Ma Thị C tại nhà bị cáo T và 2.500.000đ thu giữ của chị Trịnh Thị T tại nhà bị cáo H: Đây là số tiền do các bị cáo phạm tội mà có, xét nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Thu hồi để tịch thu sung quỹ nhà nước của bị cáo Vũ Quang H 200.000đ, của bị cáo Hà Văn T 1.000.000đ là số tiền các bị cáo phạm tội mà có.

- Đối với 01 chiếc xe mô tô biển số 19Y2 – 0060, nhãn hiệu HonDa, loại Wave, màu đen xám thu giữ của bị cáo T: Mặc dù các bị cáo đã sử dụng chiếc xe này là phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên quá trình xác minh cho thấy chiếc xe trên là tài sản của chị Hà Thị T. Chị T cho bị cáo T và vợ là chị C mượn để làm phương tiện đi lại.Chị T không biết bị cáo dùng chiếc xe để thực hiện hành vi phạm tội và có đơn đề nghị xin lại chiếc xe. Vì vậy xét nên trả lại chiếc xe mô tô trên cho chị T là phù hợp.

- Đối với 27 tấm kim loại là tài sản T và H trộm cắp của anh H. Đây là tài sản hợp pháp của anh H. Ngày 24/5/2019, Công an huyện Cẩm Khê đã giao trả lại tài sản của anh H là phù hợp pháp luật.

Đối với chiếc điện thoại của bị cáo T1 đã sử dụng để liên lạc với bị cáo H mua bán tài sản do phạm tội mà có, T1 khai đã đánh rơi mất. Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không có kết quả, vì vậy không đề cập xử lý đối với vật chứng này.

Về trách nhiệm dân sự: Anh H đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm, vì vậy HĐXX không đặt ra xem xét về trách nhiệm dân sự.

[4] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứkhoản 1 điều 173; Điều 36; Điểm i, s khoản 1 Điều 51Bộ luật hình sự.

Tuyên bố các bị cáo Hà Văn T, Vũ Quang H phạm tội " Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Hà Văn T15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 06 ngày tạm giữ (từ ngày 17/5/2019 đến ngày 23/5/2019) được quy đổi T 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 14 (mười bốn) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không

giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án.

Xử phạt bị cáo Vũ Quang H13 (mười ba) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 06 ngày tạm giữ (từ ngày 17/5/2019 đến ngày 23/5/2019) được quy đổi T 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 12 (mười hai) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Hà Văn T và bị cáo Vũ Quang H cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Căn cứkhoản 1 điều 323; Điều 36; Điểm i, s khoản 1 Điều 51Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Hoàng Quang T1 phạm tội " Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Xử phạt bị cáo Hoàng Quang T109 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Hoàng Quang T1 cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Hà Văn T, Vũ Quang Hà và Hoàng Quang T1.

Trong thời gian cải tạo không giam giữ, các bị cáo phải chấp hành một số nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự về cải tạo không giam giữ.

[2] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1Điều 47; Khoản 1 Điều 48của Bộ luật hình sự; Khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự .

Tịch thu tiêu hủy:01 dây chun cao su màu xanh dài khoảng 3,5m đã qua sử dụng; 01 xe cải tiến tự chế, khung xe bằng kim loại màu đen.

Tịch thu bán sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Nokia màu đen có kèm thẻ sim 0988.465.299 thu giữ của Vũ Quang H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh kèm thẻ sim 033.943.3398; 01 cân đồng hồ lò xo nhãn hiệu Nhơn Hòa thu giữ của Hoàng Quang T1.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng chẵn) (trong đó 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) thu giữ của chị Ma Thị C tại nhà bị cáo T và 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng chẵn) thu giữ của chị Trịnh Thị T tại nhà bị cáo H).

Thu hồi của bị cáo Vũ Quang H 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng chẵn), của bị cáo H Văn T 1.000.000đ(Một triệu đồng chẵn) để tịch thu sung quỹ nhà nước

Trả lại cho chị Hà Thị T 01 chiếc xe mô tô biển số 19Y2 – 0060, nhãn hiệu HonDa, loại Wave, màu đen xám.

(Các vật chứng trên códặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/8/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Khê và Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê)

Xác nhận ngày 24/5/2019, Công an huyện Cẩm Khê đã giao trả lại tài sản gồm 27 tấm kim loại cho anh Phạm Duy H theo biên bản giao trả tài sản là hợp pháp.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm akhoản1 Điều 23Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Các bị cáo Hà Văn T, Vũ Quang H, Hoàng Quang T1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng chẵn) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quancó mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các bị cáo; Những người TGTT
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cơ quan THA hình sự;
- Cơ quan THA dân sự h Cẩm Khê;
- Công an huyện Cẩm Khê;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thanh Loan